

Số: 94/QĐ-THCS

Hạ Long, ngày 16 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông tại cơ sở giáo dục công lập học kỳ II năm học 2024 -2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 3370/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Hạ Long Về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông tại cơ sở giáo dục công lập học kỳ II năm học 2024 -2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh .

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông tại cơ sở giáo dục công lập học kỳ II năm học 2024 -2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh. (theo quyết định và danh sách đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu: VT, KT



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Số: 3370/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 16 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông tại cơ sở giáo dục công lập học kỳ II năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh Nghị quyết về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 (bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ninh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 2805/UBND-VHXXH ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện hỗ trợ học phí quy định tại Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Hướng dẫn số 263/HD-SGDĐT ngày 26/01/2022 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh thực hiện quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;

Căn cứ Hướng dẫn số 3172/SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Hướng dẫn số 1468/SGDĐT ngày 09/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Xét đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 474/PGDDĐT ngày 15/4/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hạ Long.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông tại cơ sở giáo dục công lập học kỳ II năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ninh.

- Số lượng: **11.757** trẻ em mầm non và **24.941** học sinh phổ thông (có danh sách kèm theo).

- Mức hỗ trợ: Bằng mức Quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ninh (hỗ trợ theo số tháng thực học).

- Số kinh phí hỗ trợ: **12.889.580.000 đồng**

(Bằng chữ: Mười hai tỷ tám trăm tám mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố tham mưu nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện.

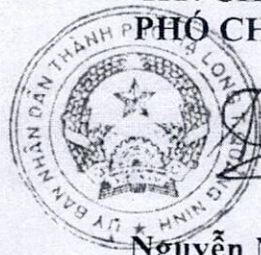
2. Giao Trường phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố hướng dẫn các đơn vị có tên học sinh tại Điều 1 công khai kết quả phê duyệt và tổ chức thực hiện chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (th/h);
- Sở GD&ĐT tỉnh QN (b/c);
- TT, TU, HĐND thành phố (b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sơn

DANH SÁCH PHÊ DUYỆT

**Hỗ trợ học phí Học kỳ II năm học 2024 - 2025 theo quy định tại
Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh**

(Kèm theo QĐ số 3370/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của UBND thành phố Hà Long)

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng:				5.893.740.000	
	Trường THCS Trọng Điểm					
1	Đinh Đức Anh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
2	Nguyễn Quỳnh Anh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
3	Trần Lưu Đức Anh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
4	Phạm Văn Dũng	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
5	Đỗ Thuý Dương	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
6	Mai Tùng Dương	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
7	Bùi Gia Hân	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
8	Đoàn Gia Hân	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
9	Phạm Minh Hiền	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
10	Phạm Huy Hoàng	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
11	Nguyễn Bùi Tuấn Hùng	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
12	Nguyễn Trần Hà Khanh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
13	Nhữ Nam Khánh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
14	Ngô Bảo Khiêm	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
15	Đỗ Hà Khoa	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
16	Nguyễn Thùy Lâm	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
17	Nguyễn Tùng Lâm	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
18	Bùi Hà Linh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
19	Bùi Khánh Linh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
20	Bùi Uyên Linh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
21	Phạm Gia Linh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
22	Thân Khánh Linh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
23	Tăng Tiến Nam	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
24	Trần Nhật Nam	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
25	Nguyễn Hoàng Ngân	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
26	Nguyễn Kiều Oanh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
27	Trần Đức Minh Phong	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
28	Lương An Phúc	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
29	Nguyễn Minh Phúc	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
30	Trần Bảo Quyên	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
31	Mai Thị Minh Tâm	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
32	Phạm Thị Minh Thái	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
33	Đàm Quỳnh Anh Thư	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
34	Nguyễn Anh Bảo Trân	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
35	Trịnh Kim Bảo Trân	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
36	Đinh Mạnh Trường	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
37	Nghiêm Thái Tuấn	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
38	Trần Minh Tuấn	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
39	Nguyễn Minh Tùng	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
40	Phạm Ngọc Uyên	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
41	Phạm Thế Vinh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
42	Tô Chí Vĩ	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
43	Nguyễn Lê Hà Vy	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16232	1997	Nguyễn Đức Bảo Lâm	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16233	1998	Vũ Nhật Lâm	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16234	1999	Lê Trà My	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16235	2000	Nguyễn Hà My	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16236	2001	Hoàng Vĩ Nhân	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16237	2002	Đinh Ngọc Nhi	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16238	2003	Phạm Nguyễn Minh Phong	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16239	2004	Trần Ngọc Phương	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16240	2005	Nguyễn Đức Tài	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16241	2006	Đinh Thùy Tâm	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16242	2007	Nguyễn Vũ Minh Tâm	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16243	2008	Ấu Thanh Thủy	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16244	2009	Đinh Minh Thư	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16245	2010	Nguyễn Thị Thùy Trang	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16246	2011	Đinh Huyền Trâm	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16247	2012	Đặng Anh Tuấn	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16248	2013	Thân Thanh Tùng	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16249	2014	Ngô Đặng Hoàng Nam	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
16250	2015	Nguyễn Trần Minh Quang	Lớp 9A9	5	60.000	300.000
		Trường THCS Kim Đồng				-
16251	1	Nguyễn Thái An	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16252	2	Trần Lê Quỳnh Anh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16253	3	Nguyễn Thái Bảo	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16254	4	Lê Hữu Cường	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16255	5	Vũ Ngọc Diệp	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16256	6	Cồ Năng Thành Đạt	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16257	7	Lê Minh Đăng	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16258	8	Nguyễn Minh Hằng	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16259	9	Vũ Ngọc Hân	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16260	10	Nguyễn Huy Hoàng	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16261	11	Phạm Gia Huy	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16262	12	Phạm Quang Huy	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16263	13	Trương Gia Hưng	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16264	14	Đoàn Nguyên Khang	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16265	15	Đặng Nguyên Khôi	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16266	16	Nguyễn Thái Lâm	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16267	17	Phạm Ngọc Lâm	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16268	18	Cồ Thị Trúc Linh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16269	19	Đào Lê Uyên Linh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16270	20	Phạm Thị Khánh Linh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16271	21	Dương Thành Long	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16272	22	Đinh Hoàng Long	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16273	23	Nguyễn Hải Nam	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16274	24	Phạm Hải Nam	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16275	25	Trần Đức Nam	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16276	26	Nguyễn Ngọc Nauy	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16277	27	Đàm Thu Ngân	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16278	28	Nguyễn Xuân Bảo Ngân	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16279	29	Nguyễn Chí Nghĩa	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16280	30	Nguyễn Bảo Ngọc	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16281	31	Trần Yến Nhi	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16282	32	Hoàng Khánh Như	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16283	33	Lê Tuấn Phúc	Lớp 6A1	5	60.000	300.000
16284	34	Phan Trần Quốc	Lớp 6A1	5	60.000	300.000

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16285	35 Nguyễn Như Quỳnh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
16286	36 Lê Đức Thiện	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
16287	37 Hoàng Thị Hoài Thương	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
16288	38 Nguyễn Minh Bảo Trang	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
16289	39 Đặng Sơn Tùng	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
16290	40 Bùi Thế Vinh	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
16291	41 Nguyễn Long Vũ	Lớp 6A1	5	60.000	300.000	
16292	42 Vũ Hà Bảo An	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16293	43 Trần Diệp Anh	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16294	44 Trần Ngọc Bảo Anh	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16295	45 Hoàng Bảo Chi	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16296	46 Nguyễn Ngọc Diệp	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16297	47 Phạm Thành Đạt	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16298	48 Vũ Nguyên Đức	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16299	49 Nguyễn Khánh Hà	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16300	50 Phạm Xuân Hiếu	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16301	51 Mạc Gia Huy	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16302	52 Nguyễn Hoàng Huy	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16303	53 Bùi Mạnh Hùng	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16304	54 Phạm Duy Hưng	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16305	55 Bùi Văn Khánh	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16306	56 Nguyễn Duy Khánh	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16307	57 Phạm Xuân Khiêm	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16308	58 Phạm Nam Khoa	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16309	59 Vũ Đăng Khôi	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16310	60 Vũ Mai Khôi	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16311	61 Vũ Tùng Khôi	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16312	62 Vũ Tuấn Kiệt	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16313	63 Đỗ Ngọc Lan	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16314	64 Trần Bảo Lâm	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16315	65 Nguyễn Khánh Linh	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16316	66 Trần Công Minh	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16317	67 Nguyễn Minh Nghĩa	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16318	68 Mạc Tuấn Phong	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16319	69 Ngô Trung Sơn	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16320	70 Đỗ An Thạch	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16321	71 Lê Bảo Trâm	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16322	72 Lê Bảo Trâm	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16323	73 Vũ Thanh Trúc	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16324	74 Ngô Doãn Tuấn	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16325	75 Nguyễn Danh Tùng	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16326	76 Nguyễn Mạnh Tùng	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16327	77 Nguyễn Hải Yến	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16328	78 Lương Minh Thư	Lớp 6A2	5	60.000	300.000	
16329	79 Phạm Bảo An	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16330	80 Vũ Bảo An	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16331	81 Lê Hồng Anh	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16332	82 Lê Quang Anh	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16333	83 Lê Vũ Quỳnh Anh	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16334	84 Nguyễn Mai Anh	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16335	85 Phạm Hoàng Văn Anh	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16336	86 Vũ Anh	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16337	87 Phạm Nguyệt Châu	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16338	88 Nguyễn Ngọc Diệp	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16339	89	Đoàn Đỗ Ánh Dương	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16340	90	Nguyễn Hải Đăng	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16341	91	Đoàn Khánh Đức	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16342	92	Vũ Mạnh Hải	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16343	93	Vũ Bảo Hân	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16344	94	Đoàn Đức Hiếu	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16345	95	Nguyễn Hoàng Hiệp	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16346	96	Mạc Vũ An Hưng	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16347	97	Nguyễn Quốc Hưng	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16348	98	Vũ Duy Hưng	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16349	99	Trần Trung Kiên	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16350	100	Đoàn Diệp Lam	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16351	101	Phạm Vũ Khánh Linh	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16352	102	Trần Duy Mạnh	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16353	103	Phạm Phúc Minh	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16354	104	Phạm Khánh Ngọc	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16355	105	Phạm Khôi Nguyên	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16356	106	Mai Bảo Phi	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16357	107	Trần Vũ Nam Phong	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16358	108	Đoàn Hà Phương	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16359	109	Hà Bảo Quyên	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16360	110	Cao Bá Thành	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16361	111	Phạm Xuân Thái	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16362	112	Phạm Duy Thắng	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16363	113	Nguyễn Anh Thư	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16364	114	Phạm Tuấn Tiến	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16365	115	Đặng Quỳnh Trâm	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16366	116	VÕ MINH TRUNG	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16367	117	Bùi Bá Tùng	Lớp 6A3	5	60.000	300.000	
16368	118	Hà Trần Bảo An	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16369	119	Nguyễn Hải Anh	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16370	120	PHẠM PHAN ANH	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16371	121	Từ Bảo Anh	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16372	122	Bùi Thiên Bảo	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16373	123	Hoàng Trần Gia Bảo	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16374	124	Nguyễn Gia Bảo	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16375	125	Trần Bảo Châu	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16376	126	Vũ Quỳnh Chi	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16377	127	Nguyễn Đức Chính	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16378	128	Đinh Thành Chung	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16379	129	Nguyễn Trí Dũng	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16380	130	Đoàn Ngọc Hà	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16381	131	Đoàn Khánh Huyền	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16382	132	Vũ Gia Khánh	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16383	133	Nguyễn Xuân Minh Khôi	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16384	134	Lê Đức Lâm	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16385	135	Chu Phương Linh	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16386	136	Đinh Long	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16387	137	Nguyễn Hà Mi	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16388	138	Trần Ngọc Hiền Minh	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16389	139	Lê Hà My	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16390	140	Nguyễn Bảo Nam	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16391	141	Phạm Thị Kim Ngân	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16392	142	Đào Thị Yến Ngọc	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16393	143	Nguyễn Khánh Ngọc	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16394	144	Hoàng Phúc Nguyên	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16395	145	Phạm Hiếu Nguyên	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16396	146	Nguyễn Minh Nhật	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16397	147	Nguyễn Thị Bảo Nhi	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16398	148	Vũ Quỳnh Nhi	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16399	149	Bùi Thiên Phú	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16400	150	Nguyễn Việt Phú	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16401	151	Nguyễn Uyên Nhã Uyên	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16402	152	Trần Ngọc Quỳnh	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16403	153	Trần Anh Thư	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16404	154	Ngô Anh Trúc	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16405	155	Dương Văn Tùng	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16406	156	Phạm Lê Vi	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16407	157	Nguyễn Phạm Ngọc Vy	Lớp 6A4	5	60.000	300.000	
16408	158	Nguyễn Thị Thái An	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16409	159	Phạm Bảo An	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16410	160	Phạm Quỳnh Anh	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16411	161	Nguyễn Hoàng Bách	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16412	162	Phạm An Bình	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16413	163	Nguyễn Hoàng Linh Chi	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16414	164	Nguyễn Mai Uyên Chi	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16415	165	Phùng Ngọc Duy	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16416	166	Trịnh Hoàng Dũng	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16417	167	Nguyễn Tùng Dương	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16418	168	Vũ Thị Linh Đan	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16419	169	Ngô Quang Đức	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16420	170	Đỗ Thu Giang	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16421	171	Nguyễn Ngân Hà	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16422	172	Ninh Gia Hân	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16423	173	Trần Gia Hưng	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16424	174	Nguyễn Mai Hương	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16425	175	Phạm Bảo Khánh	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16426	176	Trần Anh Khoa	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16427	177	Trần Văn Kiệt	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16428	178	Trương Tuấn Kiệt	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16429	179	Nguyễn Đăng Tùng Lâm	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16430	180	Trần Tuệ Lâm	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16431	181	Nguyễn Tấn Long	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16432	182	Phạm Bảo Long	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16433	183	Hoàng Hải Nam	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16434	184	Nguyễn Ngọc Ngân	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16435	185	Mai Huyền Nhi	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16436	186	Trần Đức Phú	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16437	187	Vũ Duy Phúc	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16438	188	Nguyễn Lan Phương	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16439	189	Trần Xuân Quý	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16440	190	Phạm Phú Sang	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16441	191	Nguyễn Hương Thảo	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16442	192	Nguyễn Khánh Thi	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16443	193	Đinh Minh Thư	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16444	194	Trần Phạm Bảo Trâm	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16445	195	Nguyễn Thanh Tuệ	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16446	196	Đào Duy Tùng	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16447	197	Phạm Hải Vân	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16448	198	Phạm Trần Bảo Vân	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16449	199	Nguyễn Đào Như Ý	Lớp 6A5	5	60.000	300.000	
16450	200	Bùi Ngọc Anh	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16451	201	Đoàn Vương Anh	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16452	202	Nguyễn Phạm Hải Anh	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16453	203	Nguyễn Trần Bảo Anh	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16454	204	Bùi An Bảo Bảo	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16455	205	Vũ Thị Bảo Chi	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16456	206	Nguyễn Cao Cường	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16457	207	Nguyễn Tiến Dũng	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16458	208	Hà Minh Hiếu	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16459	209	Nguyễn Đức Hiếu	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16460	210	Vũ Gia Huy	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16461	211	Nguyễn Thị Huyền	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16462	212	Nguyễn Chấn Hưng	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16463	213	Trần Thái Lâm	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16464	214	Mai Gia Linh	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16465	215	Nguyễn Bảo linh	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16466	216	Vũ Đức Bảo Long	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16467	217	Lê Phước Lộc	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16468	218	Nguyễn Hà Mi	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16469	219	Vũ Gia Minh	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16470	220	Lê Phương My	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16471	221	Nguyễn Hoàng Nam	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16472	222	Trần Bảo Nam	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16473	223	Bùi Huy Nghĩa	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16474	224	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16475	225	Nguyễn Phúc Nguyên	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16476	226	Nguyễn Vũ Quỳnh Như	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16477	227	Lê Văn Tân Phát	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16478	228	Phạm Nam Phong	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16479	229	Vũ Nguyễn Hoàng Phúc	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16480	230	Nguyễn Hà Phương	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16481	231	Nguyễn Thu Quyên	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16482	232	Trần Thanh Tâm	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16483	233	Đoàn Phương Thảo	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16484	234	Vũ Ngọc Thuận	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16485	235	Nguyễn Hà Thanh Trúc	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16486	236	Đỗ Minh Vũ	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16487	237	Dương Khánh Vy	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16488	238	Lê Cường Thịnh	Lớp 6A6	5	60.000	300.000	
16489	239	Lê Duy An	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16490	240	Phạm Khánh An	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16491	241	Nguyễn Phương Anh	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16492	242	Nguyễn Việt Anh	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16493	243	Đỗ Ngọc Thiên Ân	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16494	244	Nguyễn Quỳnh Chi	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16495	245	Đào Ngọc Diệp	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16496	246	Đỗ Thị Mỹ Duyên	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16497	247	Vũ Thị Thu Hà	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16498	248	Dương Hoàng Hải	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16499	249	Nguyễn Trần Bảo Hân	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16500	250	Lưu Duy Huy Hoàng	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16501	251	Đỗ Gia Huy	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16502	252	Trịnh Tuấn Lâm	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16503	253	Đoàn Khánh Linh	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16504	254	Nguyễn Ngọc Linh	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16505	255	Vũ Khánh Linh	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16506	256	Vũ Nguyễn Đan Linh	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16507	257	Đào Thiên Long	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16508	258	Lê Quang Long	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16509	259	Vũ Tiến Long	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16510	260	Trần Hạo Nam	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16511	261	Trần Khả Ngân	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16512	262	Nguyễn Huy Nhật	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16513	263	Nguyễn Trang Nhung	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16514	264	Lưu Kim Oanh	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16515	265	Nguyễn Kỳ Phong	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16516	266	Bôn Mai Phương	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16517	267	Hoàng Xuân Quý	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16518	268	Hoàng Trung Đức Tài	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16519	269	Nguyễn Duy Thành	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16520	270	Đoàn Tuấn Thạch	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16521	271	Lê Anh Thư	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16522	272	Đinh Nguyễn Thủy Tiên	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16523	273	Đỗ Quốc Trung	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16524	274	Nguyễn Anh Tuấn	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16525	275	Lã Phương Việt	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16526	276	Bùi Lê Phương Vy	Lớp 6A7	5	60.000	300.000	
16527	277	Lại Quỳnh Anh	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16528	278	Nguyễn Hà Anh	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16529	279	Nguyễn Hà Phương Anh	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16530	280	Phan Duy Anh	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16531	281	Trần Thị Phương Anh	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16532	282	Vũ Nguyễn Thế Anh	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16533	283	Phạm Hoàng Bách	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16534	284	Lê Gia Bảo	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16535	285	Nguyễn Minh Châu	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16536	286	Vũ Quỳnh Chi	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16537	287	Vũ Quỳnh Chi	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16538	288	Đoàn Ngọc Diệp	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16539	289	Nguyễn Việt Dũng	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16540	290	Nguyễn Thùy Dương	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16541	291	Nguyễn Trọng Hải Đăng	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16542	292	Mai Việt Đức	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16543	293	Nguyễn Mạnh Đức	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16544	294	Nguyễn Ngọc Trường Giang	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16545	295	Phạm Phúc Hải	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16546	296	Trương Mạnh Hải	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16547	297	Nguyễn Gia Hân	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16548	298	Trần Nhật Huy	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16549	299	Vũ Minh Huy	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16550	300	Nguyễn Trí Lâm	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16551	301	Nguyễn Hà Gia Linh	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16552	302	Trương Gia Minh	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16553	303	Nguyễn Đàm Thiên Ngân	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	
16554	304	Nguyễn Khánh Ngọc	Lớp 7A1	5	60.000	300.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16555	305	Nguyễn Minh Ngọc	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16556	306	Nguyễn Thị Yến Nhi	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16557	307	Nguyễn Đình Phong	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16558	308	Nguyễn Hải Phong	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16559	309	Vũ Minh Phúc	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16560	310	Lý Trường Quý	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16561	311	Đàm Minh Thư	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16562	312	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16563	313	Dương Đức Trung	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16564	314	Bùi Bích Vân	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16565	315	Phạm Thị Thanh Vân	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16566	316	Lê Phương Vi	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16567	317	Nguyễn Anh Thư	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16568	318	Vương Bảo An	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16569	319	Nguyễn Long Hải	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16570	320	Nguyễn Vũ Hoàng Anh	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16571	321	Dương Bảo Hân	Lớp 7A1	5	60.000	300.000
16572	322	Nguyễn Bảo Anh	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16573	323	Nguyễn Ngọc Hà Anh	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16574	324	Phạm Châu Anh	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16575	325	Lê Gia Bảo	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16576	326	Phạm Gia Bảo	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16577	327	Trần Ngọc Bích	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16578	328	Đỗ Thành Cẩm	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16579	329	Nguyễn Hoàng Châu	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16580	330	Phạm Minh Châu	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16581	331	Phạm Thùy Chi	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16582	332	Nguyễn Ngọc Chính	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16583	333	Trần Quốc Cường	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16584	334	Nguyễn Tất Đạt	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16585	335	Trần Minh Đức	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16586	336	Nguyễn Minh Giang	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16587	337	Nguyễn Trịnh Hoàng Giang	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16588	338	Phạm Vũ Văn Hà	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16589	339	Vũ Hồng Hạnh	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16590	340	Đỗ Thị Ngọc Hiền	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16591	341	Phạm Bá Hoàng	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16592	342	Đỗ Duy Hưng	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16593	343	Hoàng Phú Hưng	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16594	344	Nguyễn Thế Hưng	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16595	345	Đỗ Phương Linh	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16596	346	Nguyễn Hoàng Linh	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16597	347	Nguyễn Phương Linh	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16598	348	Trần Tuấn Minh	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16599	349	Đinh Bảo Ngọc	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16600	350	Lê Khánh Ngọc	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16601	351	Trần Tuấn Nhật	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16602	352	Dặng Quốc Phi	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16603	353	Phạm Lưu Hải Phong	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16604	354	Nguyễn Đức Phúc	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16605	355	Đoàn Minh Quân	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16606	356	Phạm Minh Quân	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16607	357	Vũ Minh Quân	Lớp 7A2	5	60.000	300.000
16608	358	Đào Thu Thủy	Lớp 7A2	5	60.000	300.000

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16609	359	Phạm Hoài Thương	Lớp 7A2	5	60.000	300.000	
16610	360	Nguyễn Quang Tùng	Lớp 7A2	5	60.000	300.000	
16611	361	Nguyễn Đình Vũ	Lớp 7A2	5	60.000	300.000	
16612	362	Nguyễn Hoàng Vũ	Lớp 7A2	5	60.000	300.000	
16613	363	Phạm Đăng Vũ	Lớp 7A2	5	60.000	300.000	
16614	364	Nguyễn Hà Vy	Lớp 7A2	5	60.000	300.000	
16615	365	Nguyễn Thiên Phúc	Lớp 7A2	5	60.000	300.000	
16616	366	Vũ Đỗ Bảo An	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16617	367	Hoàng Gia Bảo	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16618	368	Lê Nguyên Bảo	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16619	369	Vũ Ngọc Gia Bảo	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16620	370	Lê Bá Bình	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16621	371	Phạm Ngọc Bích	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16622	372	Nguyễn Thùy Chi	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16623	373	Nguyễn Tiến Dũng	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16624	374	Bùi Đức Hải	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16625	375	Nguyễn Thảo Hiền	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16626	376	Nguyễn Minh Hiếu	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16627	377	Nguyễn Sỹ Đức Hiếu	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16628	378	Nguyễn Thị Mai Hoa	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16629	379	Nguyễn Dương Khánh Huyền	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16630	380	Nguyễn Mạnh Hùng	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16631	381	Phạm Huy Hùng	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16632	382	Tạ Nam Khánh	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16633	383	Nguyễn Phương Linh	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16634	384	Trương Hải Linh	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16635	385	Nguyễn Duy Long	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16636	386	Phạm Lưu Ly	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16637	387	Nguyễn Tiến Mạnh	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16638	388	Nguyễn Hà Minh	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16639	389	Nguyễn Nhật Minh	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16640	390	Vũ Ngọc Minh	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16641	391	Nguyễn Phạm Trà My	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16642	392	Đặng Hải Nam	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16643	393	Nguyễn Vũ Nam	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16644	394	Nguyễn Dương Khánh Ngọc	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16645	395	Nguyễn Thảo Nguyên	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16646	396	Trần Trung Nguyên	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16647	397	Lê Hải Phong	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16648	398	Nguyễn Hải Phong	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16649	399	Nguyễn Ngọc Tâm	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16650	400	Vũ Hồng Thái	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16651	401	Đinh Công Thiết	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16652	402	Đinh Thanh Thủy	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16653	403	Hoàng Thùy Trang	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16654	404	Phạm Vũ Thành Trung	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16655	405	Dương Khánh Tùng	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16656	406	Nguyễn Phương Uyên	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16657	407	Lê Hà Vy	Lớp 7A3	5	60.000	300.000	
16658	408	Lê Quỳnh Anh	Lớp 7A4	5	60.000	300.000	
16659	409	Nguyễn Duy Anh	Lớp 7A4	5	60.000	300.000	
16660	410	Phạm Đức Anh	Lớp 7A4	5	60.000	300.000	
16661	411	Trần Gia Bảo	Lớp 7A4	5	60.000	300.000	
16662	412	Hoàng Bảo Chí	Lớp 7A4	5	60.000	300.000	

28

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16663	413	Tạ Thùy Chi	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16664	414	Hà Mạnh Cường	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16665	415	Vũ Bảo Ánh Dương	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16666	416	Phan Tiến Đạt	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16667	417	Nguyễn Minh Đức	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16668	418	Nguyễn Xuân Đức	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16669	419	Phạm Thanh Hải	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16670	420	Nguyễn Hoàng Nhật Hạ	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16671	421	Trần Sách Huy Hoàng	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16672	422	Bùi Khánh Huyền	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16673	423	Đặng Thị Khánh Huyền	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16674	424	Bùi Việt Hưng	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16675	425	Phạm Thu Hường	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16676	426	Nguyễn Tuấn Khang	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16677	427	Bùi Thị Khánh Linh	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16678	428	Cao Ngọc Nhã Linh	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16679	429	Nguyễn Hà Linh	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16680	430	Nguyễn Hoàng Hải Long	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16681	431	Nguyễn Trần Long	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16682	432	Vũ Quang Long	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16683	433	Đặng Anh Nhật Minh	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16684	434	Nguyễn Bá Hoàng Minh	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16685	435	Phạm Châu Gia Minh	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16686	436	Trần Bích Ngọc	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16687	437	Lê Hoàng Nhi	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16688	438	Bùi Minh Quân	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16689	439	Nguyễn Anh Quân	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16690	440	Lê Phúc Sang	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16691	441	Phạm Tiến Thịnh	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16692	442	Trần Anh Thư	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16693	443	Hà Phạm Quỳnh Trâm	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16694	444	Nguyễn Trường Văn	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16695	445	Ngô Hoàng Việt	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16696	446	Nguyễn Phương Vy	Lớp 7A4	5	60.000	300.000
16697	447	Đinh Ngọc Bảo An	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16698	448	Vũ Hoàng Thế Anh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16699	449	Trần Công Bảo	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16700	450	Nguyễn Ngọc Châu	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16701	451	Phạm Khánh Chi	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16702	452	Trần Mai Chi	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16703	453	Vũ Bích Diệp	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16704	454	Phùng Đức Dũng	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16705	455	Nguyễn Minh Đức	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16706	456	Đào Linh Giang	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16707	457	Vũ Đình Giang	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16708	458	Phạm Gia Hân	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16709	459	Lê Minh Huy	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16710	460	Bùi Ngọc Huyền	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16711	461	Đặng Gia Khánh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16712	462	Lê Minh Khuê	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16713	463	Bùi Trúc Lam	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16714	464	Hoàng Bảo Lam	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16715	465	Du Mai Lan	Lớp 7A5	5	60.000	300.000
16716	466	Đào Duy Lâm	Lớp 7A5	5	60.000	300.000

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16717	467	Đinh Diệu Linh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16718	468	Nguyễn Gia Linh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16719	469	Trần Vũ Uyên Linh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16720	470	Đào Như Mai	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16721	471	Nguyễn Quỳnh Mai	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16722	472	Nguyễn Hoàng Minh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16723	473	Phạm Khánh Minh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16724	474	Trần Mạnh Minh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16725	475	Vũ Nguyễn Tuệ Mỹ	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16726	476	Nguyễn Thành Nam	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16727	477	Phạm Nam Phong	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16728	478	Vũ Duy Phong	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16729	479	Nguyễn Minh Phương	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16730	480	Phạm Minh Quân	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16731	481	Tô Như Quỳnh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16732	482	Giang Chí Thanh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16733	483	Trần Như Thảo	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16734	484	Đông Thanh Thủy	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16735	485	Nguyễn Lê Minh Trang	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16736	486	Nguyễn Thanh Trúc	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16737	487	Nguyễn Ngọc Vân	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16738	488	Ngô Thế Vinh	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16739	489	Nguyễn Đỗ Tường Vy	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16740	490	Nguyễn Duy Hưng	Lớp 7A5	5	60.000	300.000	
16741	491	Lại Đỗ Bình An	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16742	492	Trần Mai Phương Anh	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16743	493	Nguyễn Văn Bảo	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16744	494	Vũ Quỳnh Chi	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16745	495	Nguyễn Đăng Duân	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16746	496	Đỗ Thu Dung	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16747	497	Vũ Đức Dương	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16748	498	Hoàng Trí Đức	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16749	499	Nguyễn Châu Giang	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16750	500	Phạm Trường Giang	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16751	501	Phạm Thị Thu Hà	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16752	502	Phạm Thu Huệ	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16753	503	Trần Văn Hùng	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16754	504	Dương Gia Hưng	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16755	505	Trần Duy Hưng	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16756	506	Nguyễn Thu Hương	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16757	507	Nguyễn Thu Hương	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16758	508	Vũ Đàm Khánh	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16759	509	Đào Phạm Hà Linh	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16760	510	Nguyễn Thành Long	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16761	511	Đoàn Khánh Ly	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16762	512	Lê Quang Minh	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16763	513	Đinh Hạo Nam	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16764	514	Hoàng Thu Ngân	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16765	515	Nguyễn Bảo Ngọc	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16766	516	Trần Bảo Nhi	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16767	517	Nguyễn Gia Như	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16768	518	Đỗ Quang Ninh	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16769	519	Vũ Tuấn Phong	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	
16770	520	Đinh Minh Quân	Lớp 7A6	5	60.000	300.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16771	521	Phạm Minh Quân	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16772	522	Phạm Như Quỳnh	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16773	523	Lại Thái Sơn	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16774	524	Trần Thanh Thảo	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16775	525	Phạm Tuấn Trung	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16776	526	Đinh Anh Tuấn	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16777	527	Nguyễn Trần Ánh Tuyết	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16778	528	Lê Tuấn Tú	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16779	529	Phùng Bi Tú	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16780	530	Nguyễn Thị Thảo Vân	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16781	531	Tạ Anh Vy	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16782	532	Đặng Hoàng Nam	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16783	533	Bùi Gia Huy	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16784	534	Nguyễn Hải Long	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16785	535	Bùi Khánh Linh	Lớp 7A6	5	60.000	300.000
16786	536	Bùi Nguyên Anh	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16787	537	Lê Phương Anh	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16788	538	Bùi Ngọc Ánh	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16789	539	Lưu Ngọc Bảo	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16790	540	Nguyễn Hoàng Châu	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16791	541	Nguyễn Quỳnh Chi	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16792	542	Phạm Linh Chi	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16793	543	Đinh Trung Dũng	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16794	544	Phạm Quốc Đạt	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16795	545	Đặng Nguyễn Hải Đăng	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16796	546	Bùi Minh Đức	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16797	547	Nguyễn Ngọc Hân	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16798	548	Vũ Mạnh Hùng	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16799	549	Phạm Gia Hưng	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16800	550	Đinh Đức Kiên	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16801	551	Ngô Tuấn Kiệt	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16802	552	Hoàng Khánh Linh	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16803	553	Nguyễn Phạm Hà Linh	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16804	554	Vương Ngọc Linh	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16805	555	Trần Đức Long	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16806	556	Vũ Tuấn Minh	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16807	557	Nguyễn Hải Nam	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16808	558	Đinh Minh Ngọc	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16809	559	Trần Hồng Ngọc	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16810	560	Lê Bảo Nhi	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16811	561	Nguyễn Khánh Nhi	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16812	562	Trần Băng Nhi	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16813	563	Hoàng Nam Phong	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16814	564	Phạm Hoài Phương	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16815	565	Nguyễn Minh Quân	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16816	566	Phùng Minh Quân	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16817	567	Trần Minh Quân	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16818	568	Nguyễn Phương Thảo	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16819	569	Phạm Gia Thịnh	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16820	570	Dương Anh Thư	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16821	571	Nguyễn Thái Tuấn	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16822	572	Trần Anh Tuấn	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16823	573	Hoàng Minh Việt	Lớp 7A7	5	60.000	300.000
16824	574	Trịnh Anh Trúc	Lớp 7A7	5	60.000	300.000

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)		Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16825	575	Nguyễn Lương Anh Hưng	Lớp 7A7	5	60.000	300.000	
16826	576	Phạm Diễm My	Lớp 7A7	5	60.000	300.000	
16827	577	Nguyễn Hải Long	Lớp 7A7	5	60.000	300.000	
16828	578	Đỗ Trâm Anh	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16829	579	Nguyễn Đức Anh	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16830	580	Phạm Hoàng Anh	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16831	581	Lê Gia Bảo	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16832	582	Vũ Kim Chi	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16833	583	Đoàn Mạnh Cường	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16834	584	Hà Ngọc Diệp	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16835	585	Vũ Tiến Thành Duy	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16836	586	Trung Hương Giang	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16837	587	Bùi Phương Hà	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16838	588	Nguyễn Ngọc Gia Hân	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16839	589	Bùi Trung Hiếu	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16840	590	Nguyễn Hoàng Hiếu	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16841	591	Nguyễn Minh Hiếu	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16842	592	Vũ Nguyễn Minh Hoàng	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16843	593	Nguyễn Hải Huy	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16844	594	Nguyễn Gia Hưng	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16845	595	Vũ Tiến Hưng	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16846	596	Trần Xuân Hương	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16847	597	Nguyễn Minh Khang	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16848	598	Nguyễn Tuấn Kiệt	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16849	599	Nguyễn Ngọc Bảo Minh	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16850	600	Phạm Bảo Ngân	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16851	601	Nguyễn Bảo Ngọc	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16852	602	Phạm Cao Khôi Nguyên	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16853	603	Bùi Thu Nhung	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16854	604	Lương Thế Phúc	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16855	605	Đỗ Tú Quyên	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16856	606	Bùi Thị Thanh Thảo	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16857	607	Đỗ Trần La Thắng	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16858	608	Nguyễn Vĩnh Thụy	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16859	609	Dương Bảo Trang	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16860	610	Nguyễn Thùy Trang	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16861	611	Linh Huyền Bảo Trâm	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16862	612	Đào Phú Trọng	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16863	613	Nguyễn Phương Uyên	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16864	614	Đào Trúc Vy	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16865	615	Nguyễn Khánh Vy	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16866	616	Nguyễn Hải Yến	Lớp 7A8	5	60.000	300.000	
16867	617	Mạc Nguyễn Linh An	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16868	618	Đặng Việt Anh	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16869	619	Trần Hà Anh	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16870	620	Trần Hải Anh	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16871	621	Vương Gia Bảo	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16872	622	Nguyễn Hoàng Hải Bằng	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16873	623	Đỗ Linh Chi	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16874	624	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16875	625	Lê Anh Tuấn Dũng	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16876	626	Lê Đức Dương	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16877	627	Lý Hoàng Đạt	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16878	628	Phạm Bảo Đạt	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16879	629	Nguyễn Ngọc Hương Giang	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16880	630	Phạm Lâm Thu Giang	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16881	631	Vũ Mạnh Hùng	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16882	632	Nguyễn Thanh Hường	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16883	633	Nguyễn Đăng Khoa	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16884	634	Trần Anh Khoa	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16885	635	Lê Hữu Lâm	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16886	636	Bùi Khánh Linh	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16887	637	Đoàn Nhật Minh	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16888	638	Nguyễn Quang Minh	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16889	639	Nguyễn Tuệ Minh	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16890	640	Phạm Bảo Minh	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16891	641	Trần Thị Bảo Minh	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16892	642	Nguyễn Hà My	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16893	643	Lưu Đại Nam	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16894	644	Đổng Nguyễn Bảo Nhi	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16895	645	Nguyễn Gia Phú	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16896	646	Nguyễn Hoàng Phúc	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16897	647	Trần Minh Phương	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16898	648	Hoàng Mai Quỳnh	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16899	649	Nguyễn Đức Thiện	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16900	650	Phạm Thanh Trà	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16901	651	Bùi Bảo Trân	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16902	652	Lê Phương Uyên	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16903	653	Phạm Phương Uyên	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16904	654	Vũ Hà Vi	Lớp 8A1	5	60.000	300.000	
16905	655	Đặng Nguyễn Hà An	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16906	656	Nghiêm Phạm Khánh An	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16907	657	Nguyễn Hà An	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16908	658	Bùi Hà Anh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16909	659	Bùi Mai Anh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16910	660	Chu Nguyễn Duy Anh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16911	661	Lương Lan Anh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16912	662	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16913	663	Nguyễn Mai Anh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16914	664	Nguyễn Quỳnh Anh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16915	665	Vũ Quỳnh Anh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16916	666	Nguyễn Hồ Ngọc Ánh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16917	667	Vũ Ngọc Diệp	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16918	668	Nguyễn Tài Đức Duy	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16919	669	Nguyễn Dương Hải Đăng	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16920	670	Nguyễn Minh Đăng	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16921	671	Vũ Minh Đức	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16922	672	Trần Hương Giang	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16923	673	Nguyễn Mạnh Hải	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16924	674	Đỗ Hồng Hạnh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16925	675	Phạm Trần Gia Hân	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16926	676	Lê Quang Hưng	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16927	677	Nguyễn Nam Khánh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16928	678	Bùi Trúc Linh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16929	679	Nguyễn Gia Linh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16930	680	Trần Lê Khánh Linh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16931	681	Vũ Nhật Linh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16932	682	Lê Đình Mạnh	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
16933	683	Phạm Hà My	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16934	684	Vũ Thu Ngân	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16935	685	Nguyễn Hữu Nghị	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16936	686	Hà Bảo Ngọc	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16937	687	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16938	688	Phạm Nhữ Minh Ngọc	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16939	689	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16940	690	Trần Hoàng Yến Nhi	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16941	691	Nguyễn Phương Nhung	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16942	692	Lưu Quỳnh Như	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16943	693	Nguyễn Y Phụng	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16944	694	Bùi Vũ Sơn	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16945	695	Nguyễn Phú Thắng	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16946	696	Lê Quỳnh Trang	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16947	697	Nguyễn Minh Tùng	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16948	698	Bùi Thu Uyên	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16949	699	Bùi Thảo Vy	Lớp 8A2	5	60.000	300.000	
16950	700	Đặng Thành An	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16951	701	Vũ Thành An	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16952	702	Bùi Hà Anh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16953	703	Bùi Phương Anh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16954	704	Nguyễn Thị Diệu Anh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16955	705	Nguyễn Thị Vân Anh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16956	706	Phan Hà Anh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16957	707	Phạm Hải Anh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16958	708	Trần Việt Anh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16959	709	Vũ Hoàng Quỳnh Anh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16960	710	Hoàng Gia Bảo	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16961	711	Đặng Nguyễn Ngọc Bích	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16962	712	Phạm Minh Châu	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16963	713	Mai Ngọc Diệp	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16964	714	Phạm Trần Hà Dương	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16965	715	Đỗ Quang Đạt	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16966	716	Ngô Tuấn Đạt	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16967	717	Phạm Mạnh Đức	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16968	718	Nguyễn Khánh Hà	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16969	719	Nguyễn Thị Hải Hà	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16970	720	Lê Quang Hải	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16971	721	Trần Gia Hân	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16972	722	Dương Nguyễn Khánh Hoàng	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16973	723	Nguyễn Huy Hoàng	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16974	724	Nguyễn Nhật Hưng	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16975	725	Vũ Duy Khánh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16976	726	Vì Tuấn Kiệt	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16977	727	Nguyễn Bảo Linh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16978	728	Nguyễn Phương Linh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16979	729	Vũ Diệp Linh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16980	730	Vũ Thanh Mai	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16981	731	Nguyễn Quang Minh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16982	732	Phùng Khắc Minh	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16983	733	Trần Trung Nghĩa	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16984	734	Nguyễn Minh Quân	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16985	735	Trần Thế Thành	Lớp 8A3	5	60.000	300.000	
16986	736	Lưu Đức An	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (ĐỒNG)	Ghi chú
16987	737 Nguyễn Hoàng An	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16988	738 Đoàn Tuấn Anh	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16989	739 Vũ Phạm Mỹ Anh	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16990	740 Vũ Hà Linh Chi	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16991	741 Trần Thùy Dương	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16992	742 Lê Thành Đạt	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16993	743 Đỗ Thị Hải	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16994	744 Phạm Bảo Hân	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16995	745 Trần Gia Hân	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16996	746 Lê Trung Hiếu	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16997	747 Bùi Việt Hoàng	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16998	748 Đặng Khánh Huyền	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
16999	749 Bùi Hoàng Tuấn Hưng	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17000	750 Nguyễn Mạnh Kiên	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17001	751 Vũ Thùy Linh	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17002	752 Đào Việt Hải Long	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17003	753 Vũ Hoàng Mạnh	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17004	754 Nguyễn Quang Minh	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17005	755 Lê Thị Hồng Ngân	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17006	756 Lương Đoàn Hải Nghĩa	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17007	757 Phạm Minh Ngọc	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17008	758 Hoàng Hạo Nguyên	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17009	759 Nguyễn Lê Phương Nhi	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17010	760 Vũ Uyên Nhi	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17011	761 Nguyễn Trần Hà Phương	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17012	762 Lương Đình Sơn	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17013	763 Phạm Trường Thịnh	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17014	764 Nguyễn Minh Thư	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17015	765 Đinh Tiến Toàn	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17016	766 Nguyễn Phương Trang	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17017	767 Nguyễn Mai Tùng	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17018	768 Hoàng Lê Anh Tú	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17019	769 Bùi Thùy Vi	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17020	770 Nguyễn Tuấn Việt	Lớp 8A4	5	60.000	300.000	
17021	771 Lê Đức Anh	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17022	772 Phạm Quỳnh Anh	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17023	773 Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17024	774 Đinh Minh Châu	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17025	775 Đỗ Quỳnh Chi	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17026	776 Vũ Mai Chi	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17027	777 Lê Mạnh Cường	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17028	778 Nguyễn Nam Cường	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17029	779 Nguyễn Lâm Dương	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17030	780 Đỗ Phan Minh Đức	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17031	781 Lê Nguyễn Minh Đức	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17032	782 Nguyễn Thạc Đức	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17033	783 Vũ Anh Đức	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17034	784 Vũ Trường Giang	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17035	785 Nguyễn Sơn Hà	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17036	786 Trịnh Ngọc Hân	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17037	787 Vũ Trung Hiếu	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17038	788 Hoàng Quốc Huy	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17039	789 Đàm Hưng	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17040	790 Nguyễn Ngọc Hưng	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
17041	791	Trịnh Tuấn Kiệt	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17042	792	Trần Thanh Lâm	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17043	793	Vũ Phương Linh	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17044	794	Lê Thanh Mai	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17045	795	Vũ Đức Nam	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17046	796	Nguyễn Khánh Ngọc	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17047	797	Trần Thị Thu Ngọc	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17048	798	Phạm Nguyễn Khôi Nguyên	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17049	799	Bùi Phương Nhi	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17050	800	Nguyễn Thảo Nhi	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17051	801	Trần Ánh Như	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17052	802	Vũ Hà Phương	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17053	803	Bùi Vũ Đức Thành	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17054	804	Nguyễn Phương Thảo	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17055	805	Nguyễn Phương Thảo	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17056	806	Trần Anh Thư	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17057	807	Phạm Thuỳ Trang	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17058	808	Phạm Lê Thanh Trà	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17059	809	Nguyễn Hữu Trọng	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17060	810	Phạm Thành Trung	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17061	811	Hoàng Mạnh Tùng	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17062	812	Nguyễn Đặng Hoàng Tùng	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17063	813	Phạm Lâm Vũ	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17064	814	Nguyễn Việt Minh	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17065	815	NGUYỄN ĐẶNG HÙNG	Lớp 8A5	5	60.000	300.000	
17066	816	Lê Phúc An	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17067	817	Nguyễn Gia Bảo	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17068	818	Nguyễn Minh Châu	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17069	819	Vũ Thành Đạt	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17070	820	Hoàng Thanh Giang	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17071	821	Trần Đức Hiếu	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17072	822	Lê Hoàng	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17073	823	Trần Gia Hoàng	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17074	824	Trịnh Huy Hoàng	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17075	825	Nguyễn Đắc Huân	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17076	826	Bùi Nguyễn Bảo Huy	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17077	827	Nguyễn Quỳnh Hương	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17078	828	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17079	829	Nguyễn Gia Kiên	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17080	830	Vũ Tùng Lâm	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17081	831	Đặng Thùy Linh	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17082	832	Phạm Phương Linh	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17083	833	Trần Ngọc Thuỳ Linh	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17084	834	Đoàn Khánh Ly	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17085	835	Lê Quang Minh	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17086	836	Tạ Phương Hoàng Mỹ	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17087	837	Nguyễn Trần Bảo Nhi	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17088	838	Vũ Bảo Nhi	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17089	839	Nguyễn Chí Thiện	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17090	840	Nguyễn Thu Thủy	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17091	841	Ngô Thái Toàn	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17092	842	Nguyễn Thùy Trang	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17093	843	Trần Thanh Trúc	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17094	844	Đinh Hoàng Tùng	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
17095	845	Lê Công Tùng	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17096	846	Trần Văn Tùng	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17097	847	Đinh Khổng Tú	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17098	848	Bùi Tổ Uyên	Lớp 8A6	5	60.000	300.000	
17099	849	Lê Phúc An	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17100	850	Nguyễn Ngọc Anh	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17101	851	Đào Thiên Ân	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17102	852	Nguyễn Tuấn Bảo	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17103	853	Vũ Quỳnh Chi	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17104	854	Nguyễn Anh Duy	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17105	855	Nguyễn Mạnh Hải	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17106	856	NGUYỄN THỊ DUYỀN HIỀN	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17107	857	Nguyễn Anh Hùng	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17108	858	Trần Triệu Long	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17109	859	Phạm Ngô Bảo Nam	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17110	860	Dương Khánh Ngọc	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17111	861	Hoàng Như Ngọc	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17112	862	Bùi Yến Nhi	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17113	863	Trần Hồng Nhung	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17114	864	Vũ Nhật Kim Oanh	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17115	865	Đinh Hồng Phúc	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17116	866	Ngô Thành Phúc	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17117	867	Phan Hồng Phương	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17118	868	Nguyễn Mạnh Quân	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17119	869	Phạm Thế Quân	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17120	870	Đỗ Thục Quyên	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17121	871	Vũ Ngọc Quỳnh	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17122	872	Vũ Chí Thành	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17123	873	Nông Thanh Thủy	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17124	874	Trần Hà Thương	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17125	875	Thẩm Đức Ngọc Tiên	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17126	876	Trịnh Thủy Trang	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17127	877	Phạm Thiên Trí	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17128	878	Lê Thành Tuấn	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17129	879	Lê Sơn Tùng	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17130	880	Phạm Quang Tùng	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17131	881	Nguyễn Tường Vi	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17132	882	Nguyễn Như Ý	Lớp 8A7	5	60.000	300.000	
17133	883	Phạm Bình Phương An	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17134	884	Đông Vũ Việt Anh	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17135	885	Phan Diệp Anh	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17136	886	Vũ Ngọc Phương Anh	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17137	887	Nguyễn Quốc Bảo	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17138	888	Lê Hoàng Chi	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17139	889	Ngô Quỳnh Chi	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17140	890	Nguyễn Thị Thủy Chi	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17141	891	Phạm Mai Diệp	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17142	892	Hoàng Đại Dương	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17143	893	Bùi Tiến Đạt	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17144	894	Nguyễn Vũ Nhật Giang	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17145	895	Phạm Hương Giang	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17146	896	Lương Khánh Hà	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17147	897	Trần Mạnh Hải	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17148	898	Trần Gia Hân	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
17149	899	Vũ Bảo Hân	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17150	900	Lê Đức Huy	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17151	901	Phạm Thị Khánh Huyền	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17152	902	Phạm Ngọc Khuê	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17153	903	Phạm Ngọc Khuyến	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17154	904	Đào Tùng Lâm	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17155	905	Triệu Tùng Lâm	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17156	906	Nguyễn Dương Khánh Linh	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17157	907	Trần Tuệ Linh	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17158	908	Nguyễn Gia Minh	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17159	909	Vũ Quang Minh	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17160	910	Vũ Quang Minh	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17161	911	Vũ Tuấn Minh	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17162	912	Hoàng Hà Trà My	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17163	913	Vũ Hà My	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17164	914	Hoàng Hải Nam	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17165	915	Nguyễn Bảo Nam	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17166	916	Nguyễn Thành Nam	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17167	917	Trần Thúy Ngân	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17168	918	Hoàng Bảo Ngọc	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17169	919	Nguyễn Minh Ngọc	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17170	920	Trần Hoàng Nguyên	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17171	921	Nguyễn Yên Nhi	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17172	922	Đỗ Lâm Phong	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17173	923	Nguyễn Văn Phúc	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17174	924	Đào Thị Hà Phương	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17175	925	Lê Lâm Phương	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17176	926	Nguyễn Lê Nam Sơn	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17177	927	Phạm Thanh Sơn	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17178	928	Trần Thiên Thanh	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17179	929	Mai Hoàng Thái	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17180	930	Vũ Ngọc Thắng	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17181	931	Bùi Anh Thư	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17182	932	Lưu Thiên Trang	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17183	933	Vũ Bảo Trân	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17184	934	Nguyễn Thanh Tuệ	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17185	935	Phùng Xuân Vũ	Lớp 9A1	5	60.000	300.000	
17186	936	Nguyễn Phương Anh	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17187	937	Nguyễn Ngọc Ánh	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17188	938	Hà Vũ Ngọc Bảo	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17189	939	Ngô Gia Bảo	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17190	940	Đoàn Hà Chi	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17191	941	Nguyễn Hoàng Duy	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17192	942	Phạm Duy	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17193	943	Nguyễn Tiến Dũng	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17194	944	Phan Đào Thái Dương	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17195	945	Đinh Đan Đan	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17196	946	Nguyễn Hữu Đức	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17197	947	Nguyễn Minh Đức	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17198	948	Trần Hương Giang	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17199	949	Phạm Thị Minh Hà	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17200	950	Vũ Ngọc Hà	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17201	951	Nguyễn Trung Hải	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17202	952	Hoàng Bảo Hân	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	

TT		Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
17203	953	Vũ Công Hiếu	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17204	954	Vũ Việt Hoàng	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17205	955	Đoàn Gia Huy	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17206	956	Nguyễn Gia Huy	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17207	957	Nguyễn Đăng Khánh	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17208	958	Phạm Bảo Lâm	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17209	959	Bùi Nguyễn Phương Linh	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17210	960	Phạm Thị Bảo Linh	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17211	961	Phùng Khánh Linh	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17212	962	Nguyễn Bảo Long	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17213	963	Nguyễn Phương Hà Ly	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17214	964	Phạm Nguyễn Ngọc Mai	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17215	965	Vũ Tuyết Mai	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17216	966	Phạm Hoàng Minh	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17217	967	Hoàng Đình Nam	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17218	968	Phạm Hoàng Nam	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17219	969	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17220	970	Nguyễn Quang Ngọc	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17221	971	Đinh Công Lâm Nguyên	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17222	972	Nguyễn Phúc Khôi Nguyên	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17223	973	Nguyễn Minh Sơn	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17224	974	Nguyễn Minh Sơn	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17225	975	Vũ Nguyễn Trí Thành	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17226	976	Diệp Thanh Thảo	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17227	977	Cô Thị Minh Trang	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17228	978	Hoàng Huyền Trang	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17229	979	Lê Thu Trang	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17230	980	Nguyễn Hữu Tú	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17231	981	Vũ Quốc Việt	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17232	982	Nguyễn Quang Vinh	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17233	983	Trần Anh Vũ	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17234	984	Bùi Nguyễn Tường Vy	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17235	985	Nguyễn Lê Phương Vy	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17236	986	Phạm Hoàng Như Ý	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17237	987	Nguyễn Chiêu Quân	Lớp 9A2	5	60.000	300.000	
17238	988	Lại Đỗ An An	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17239	989	Lương Thị Anh	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17240	990	Nguyễn Diệp Anh	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17241	991	Nguyễn Lê Bảo Anh	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17242	992	Nguyễn Minh Anh	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17243	993	Nguyễn Thế Anh	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17244	994	Vũ Mai Anh	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17245	995	Vũ Trâm Anh	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17246	996	Phạm Trần Gia Bách	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17247	997	Phạm Nguyễn Gia Bảo	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17248	998	Phạm Thùy Chi	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17249	999	Bùi Huy Duy	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17250	1000	Nguyễn Thành Đạt	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17251	1001	Vũ Anh Hào	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17252	1002	Vũ Đức Minh Hải	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17253	1003	Bùi Đức Hiếu	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17254	1004	Nguyễn Thị Hoa	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17255	1005	Bùi Gia Huy	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	
17256	1006	Nguyễn Hữu Hùng	Lớp 9A3	5	60.000	300.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
17257	1007	Lê Phúc Hưng	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17258	1008	Lê Đức Long	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17259	1009	Phạm Bảo Long	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17260	1010	Đỗ Thị Quỳnh Mai	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17261	1011	Chu Thành Nam	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17262	1012	Nguyễn Trọng Hải Nam	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17263	1013	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17264	1014	Đỗ Linh Nhi	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17265	1015	Nguyễn Ngọc Oanh	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17266	1016	Phạm Châu Nhuận Phát	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17267	1017	Đỗ Đức Phong	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17268	1018	Hoàng Việt Quang	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17269	1019	Vũ Anh Quang	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17270	1020	Vũ Trần Diễm Quỳnh	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17271	1021	Trần Phương Thảo	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17272	1022	Nguyễn Minh Thư	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17273	1023	Nguyễn Bá Toàn	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17274	1024	Vũ Quốc Trung	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17275	1025	Lê Vi Ánh Tuyết	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17276	1026	Nguyễn Thế Vinh	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17277	1027	Đoàn Quang Vĩ	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17278	1028	Trần Tuấn Vũ	Lớp 9A3	5	60.000	300.000
17279	1029	Đỗ Quỳnh Anh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17280	1030	Lương Hoàng Diệp Anh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17281	1031	Phan Phương Anh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17282	1032	Phạm Quỳnh Anh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17283	1033	Vũ Quỳnh Anh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17284	1034	Ngô Mai Dương	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17285	1035	Trần Văn Đức	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17286	1036	Nguyễn Ngọc Hà	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17287	1037	Phùng Khánh Hà	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17288	1038	Vũ Quang Hà	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17289	1039	Phạm Đình Hải	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17290	1040	Mai Trung Hiếu	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17291	1041	Nguyễn Vũ Hiệp	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17292	1042	Dương Việt Hoàn	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17293	1043	Nguyễn Huy Hoàng	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17294	1044	Lê Văn Huy	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17295	1045	Nguyễn Quang Huy	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17296	1046	Nguyễn Quốc Huy	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17297	1047	Trương Gia Huy	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17298	1048	Nguyễn Thu Huyền	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17299	1049	Trần Thái Hưng	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17300	1050	Phạm Trung Kiên	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17301	1051	Phạm Thị Hương Lan	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17302	1052	Nguyễn Tùng Lâm	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17303	1053	Trần Tùng Lâm	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17304	1054	Bùi Gia Linh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17305	1055	Phạm Ngọc Linh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17306	1056	Nguyễn Kim Bảo Long	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17307	1057	Phạm Tiến Mạnh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17308	1058	Trần Bảo Mạnh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17309	1059	Nguyễn Bình Minh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000
17310	1060	Trần Kiều My	Lớp 9A4	5	60.000	300.000

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)		Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
17311	1061	Đỗ Nguyễn Bảo Ngọc	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17312	1062	Phạm Minh Ngọc	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17313	1063	Phạm Mai Nguyên	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17314	1064	Trần Hoàng Khôi Nguyên	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17315	1065	Nguyễn Huy Phong	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17316	1066	Bùi Ngọc Phương	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17317	1067	Trần Như Quỳnh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17318	1068	Nguyễn Quang Thành	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17319	1069	Đoàn Trung Toàn	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17320	1070	Cao Hà Trang	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17321	1071	Vũ Thùy Trâm	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17322	1072	Trịnh Đình Tùng	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17323	1073	Lê Đức Vinh	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17324	1074	Bùi Hà Vy	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17325	1075	Phùng Khánh Vy	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17326	1076	Bùi Duy Hùng	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17327	1077	Nguyễn Đăng Bảo Long	Lớp 9A4	5	60.000	300.000	
17328	1078	Nguyễn Thuận An	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17329	1079	Phạm Hoàng Hải Đăng	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17330	1080	Nguyễn Mai Anh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17331	1081	Nguyễn Ngọc Hồng Anh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17332	1082	Phan Quỳnh Anh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17333	1083	Phạm Kim Anh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17334	1084	Trần Phương Anh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17335	1085	Kiều Gia Bảo	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17336	1086	Trương Gia Bình	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17337	1087	Nguyễn Thùy Chi	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17338	1088	Nguyễn Vũ Khánh Chi	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17339	1089	Phạm Tiến Dũng	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17340	1090	Mạc Ngọc Đình Đình	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17341	1091	Nguyễn Hương Giang	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17342	1092	Nguyễn Trà Giang	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17343	1093	Đoàn Thị Ngân Hà	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17344	1094	Phạm Xuân Hiếu	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17345	1095	Đinh Lê Ngọc Hoa	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17346	1096	Trần Văn Hoàn	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17347	1097	Dương Tuấn Khang	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17348	1098	Nguyễn An Khánh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17349	1099	Nguyễn Nam Khánh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17350	1100	Đinh Tuấn Khôi	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17351	1101	Phạm Trường Lâm	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17352	1102	Phạm Quốc Lân	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17353	1103	Lê Ngọc Thái Linh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17354	1104	Vũ Ngọc Khánh Linh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17355	1105	Trần Vũ Long	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17356	1106	Vũ Ngọc Mai	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17357	1107	Vũ Thị Ngọc Mai	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17358	1108	Lê Hà Mi	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17359	1109	Lê Hoàng Minh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17360	1110	Lê Quang Minh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17361	1111	Nguyễn Ngọc Quang Minh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17362	1112	Đặng Hải Nam	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17363	1113	Nguyễn Thế Phong	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	
17364	1114	Mai Đức Quân	Lớp 9A5	5	60.000	300.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/học viên)	Nhóm/Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
17365	1115	Đặng Tuấn Sơn	Lớp 9A5	5	60.000	300.000
17366	1116	Phạm Trường Sơn	Lớp 9A5	5	60.000	300.000
17367	1117	Ngô Đan Thanh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000
17368	1118	Lê Phương Thảo	Lớp 9A5	5	60.000	300.000
17369	1119	Nguyễn Anh Thư	Lớp 9A5	5	60.000	300.000
17370	1120	Nguyễn Trần Huyền Trang	Lớp 9A5	5	60.000	300.000
17371	1121	Vũ Đức Trung	Lớp 9A5	5	60.000	300.000
17372	1122	Vũ Minh Tuyết	Lớp 9A5	5	60.000	300.000
17373	1123	Nguyễn Kim Việt	Lớp 9A5	5	60.000	300.000
17374	1124	Lê Trung Anh	Lớp 9A5	5	60.000	300.000
17375	1125	Trịnh Kiều Anh	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17376	1126	Trương Phương Anh	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17377	1127	Nguyễn Trần Gia Bách	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17378	1128	Vũ Minh Châu	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17379	1129	Nguyễn Mạnh Dũng	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17380	1130	Hoàng Đăng Dương	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17381	1131	Nguyễn Hữu Đạt	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17382	1132	Vũ Tuấn Đạt	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17383	1133	Ngô Minh Đức	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17384	1134	Đinh Trần Hoàng	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17385	1135	Phạm Huy Hoàng	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17386	1136	Nông Đức Hòa	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17387	1137	Bùi Nhật Huy	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17388	1138	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17389	1139	Phạm Tuấn Hưng	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17390	1140	Tổng Trọng Lâm	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17391	1141	Vũ Phương Linh	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17392	1142	Đoàn Trà My	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17393	1143	Hoàng Văn Nam	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17394	1144	Nguyễn Bích Ngọc	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17395	1145	Nguyễn An Nhiên	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17396	1146	Vũ Hải Ninh	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17397	1147	Hoàng Nam Phong	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17398	1148	Nguyễn Như Phong	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17399	1149	Phạm Gia Phong	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17400	1150	Nguyễn Hà Phương	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17401	1151	Nguyễn Mai Phương	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17402	1152	Đoàn Phương Thảo	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17403	1153	Lê Thanh Thiện	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17404	1154	Vũ Phương Thúy	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17405	1155	Hà Thu Trang	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17406	1156	Phạm Bảo Trâm	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17407	1157	Nguyễn Quý Trọng	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17408	1158	Đinh Mạnh Tùng	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17409	1159	Trần Anh Tùng	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
17410	1160	Nguyễn Hoàng Lê Vân	Lớp 9A6	5	60.000	300.000
		Trường THCS Việt Hưng				-
17411	1	Nguyễn Hoài An	6A1	5	60.000	300.000
17412	2	Lê Thị Kim Anh	6A1	5	60.000	300.000
17413	3	Lê Thị Ngọc Anh	6A1	5	60.000	300.000
17414	4	Nguyễn Hà Anh	6A1	5	60.000	300.000
17415	5	Nguyễn Ngọc Nhật Anh	6A1	5	60.000	300.000
17416	6	Đào Khánh Chi	6A1	5	60.000	300.000
17417	7	Phạm Hoàng Bảo Chúc	6A1	5	60.000	300.000